

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 10: từ ngày 20/10/2025 đến ngày 26/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY	Sáng					
K11-DVTY		<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	KTTG (Nga) 4	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4	Phương pháp thí nghiệm (Hằng) 4	CD và ĐTH thú y (Vân) 4
P.E201	Chiều	Vì sinh vật học TY (Duyên) 3				
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1	Anh văn CN (Phiên) 4			Anh văn CN (Phiên) 4
K11-KTDN		Kỹ năng mềm (Dung) 4				
P.E305	Chiều			Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1	Sáng					
P.B306		<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây rau (Huệ) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4
	Chiều	Cây dược liệu (Bình) 3				
TT65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1	Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Pháp luật (Huyền) 2	Tin học (Thoa) 4
P.B201		Đất và phân bón (Hương) 4			GDTC (Quang) 2	
	Chiều					
TT65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1	Đất và phân bón (Hương) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Pháp luật (Huyền) 2	Sinh lý TV (Huệ) 4
P.B306		Tin học (Thoa) 4			GDTC (Quang) 2	
	Chiều	Các môn GD chính trị, Pháp luật học ghép cùng lớp TT65A1				
CN64A1	Sáng					
P.E204		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	Kỹ sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 4
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3				
CN65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4	GP sinh lý vật nuôi (Hằng) 4	KTTG (Quyên) 4
P.B202		Dược lý thú y (Lệ) 4				
	Chiều					
CN65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
P.B203		KTTG (Nga) 4				
	Chiều					
CN65A4	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1	KTTG (Vân) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4	Pháp luật (Nga) 2	KTTG (Vân) 4
P.E101		Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4			GDTC (Hà) 2	
	Chiều					

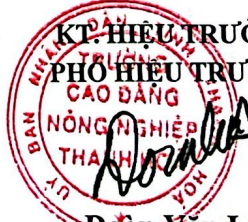
LN65A P.E203	Sáng	Sinh hoạt lớp (Lịch)	1	Đo đạc (Tuyết)	4		Pháp luật (Huyền)	2	Tin học (Thoa)	4	
		Đo đạc (Tuyết)	4				GDTC (Quang)	2			
		Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật học ghép cùng lớp TT65A1									
KTDN64A1 P.B101	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoa)	1	Thông kê doanh nghiệp	4	Thuế (P.Thảo)	4	Kế toán DN 2 (P.Thảo)	4	KTNS xã phường (Hoa)	4
		KTNS xã phường (Hoa)	3	(Thuý)							
KTDN64A2 P.E304	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý)	1	Kế toán DN 2 (Dung)	4	Thông kê doanh nghiệp	4	KTNS xã phường (Hoa)	4	Thuế (P.Thảo)	4
		Kế toán DN 2 (Dung)	3			(Thuý)					
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dung)	1	Lý thuyết KT (Q.Mai)	4	Kinh tế vi mô (Thuý)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4
	Chiều	Kỹ năng mềm (Dung)	4								
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Sinh hoạt lớp (P.Thảo)	1	GD chính trị (Thắm)	2	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4	Pháp luật (Huyền)	2
		Lý thuyết KT (P.Thảo)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	2					GDTC (Quang)	2
	Chiều										
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Quang)	1	XD phần mềm QL BH (Hà)	4	XD và QL Website	4	QTCS DL với Access	4	Lập trình Windown (Thảo)	4
		XD và QL Website (Quang)	3			(Quang)		(Phương)			
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1	XD và QL Website	4	XD phần mềm QL BH (Hà)	4	XD và QL Website	4	HHH Windown server	4
		QTCS DL với Access (Phương)	3	(Quang)				(Quang)		(Trưởng)	
CNTT65A1 P.B205	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hà)	1	Tiếng anh (K.Nhung)	2	Tin học VP (Phương)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	GD chính trị (Thắm)	2
	Chiều	Bảng tính Excel (Hà)	4	GDTC (Thuý)	2					Pháp luật (Huyền)	2
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Sinh hoạt lớp (Phương)	1	Tiếng anh (Linh)	4			Tin học VP (Phương)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều	GDTC (Hà)	4								
ĐCN64A1 P.E103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Tuấn)	1	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và ĐHKK	4	Trang bị điện (Nga)	4
		Cung cấp điện (Tuấn)	3					(Giáp)			
ĐCN64A2 P.E104	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Giáp)	1	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4
		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	3								
ĐCN64A3 P.E102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà)	1	Cung cấp điện (Tuấn)	4	KT máy lạnh và ĐHKK	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	KT máy lạnh và ĐHKK	4
		Trang bị điện (Nga)	3			(Giáp)				(Giáp)	

ĐCN 64B	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huyền) Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức) Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4			Tiếng anh (Phiên)	4	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	4
	Chiều										
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiến) Tiếng anh (T.Nhung)	1 4	Vật liệu điện (N.Đức)	4	Vật liệu điện (N.Đức)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều										
ĐCN65B1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huân) An toàn điện (Hoà)	1 4	Mạch điện (Dương)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	Vẽ Kỹ thuật điện (N.Đức)	4	Mạch điện (Dương)	4
	Chiều										
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) Tiếng anh (Linh)	1 4	Tin học (Phương)	4	Vật liệu điện (P.Anh)	4	Mạch điện (Dương)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều										
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga) Tiếng anh (K.Nhung)	1 4	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Tin học (Trưởng)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều										
TL64	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (N.Đức) KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4	KTTC Công trình TL (N.Đức)	4	Cơ học kết cấu (Hoà)	4
TL65	Sáng	Sinh hoạt lớp (N.Đức) Cơ kỹ thuật (Huyền)	1 4	KT an toàn lao động (Hoà)	4			KT an toàn lao động (Hoà)	4	Vật liệu (N.Đức)	4
	Chiều										
KTDN64B	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mai) Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	KTNS xã phường (T.Thảo)	4	Thống kê DN (Dung)	4	Thống kê DN (Dung)	4	Thống kê DN (Dung)	4
KTDN65B	Sáng	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) Lý thuyết KT (T.Thảo)	1 4	Nguyên lý thống kê (Mai)	4	Lý thuyết KT (T.Thảo)	4	Kinh tế vi mô (Thúy)	4	Kỹ năng mềm (Dung)	4
	Chiều										
CBBQ64	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Quản lý chất lượng TS (Liên)	1 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4	SX sạch hơn (Năm)	4	Quản lý chất lượng TS (Liên)	4	SX sạch hơn (Năm)	4
CBBQ65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên) Vi sinh vật TP (Liên)	1 4	Vi sinh vật TP (Liên)	4	Hoá sinh học TP (Năm)	4	Hoá sinh học TP (Năm)	4	Vi sinh vật TP (Liên)	4
	Chiều										

KTMTT64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 VHCB HDL chính D. TT (Đông) 3	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4
KTMTT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Cơ kỹ thuật (Huyền) 4	MT và BVMT (Ánh) 4	MT và BVMT (Ánh) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4
	Chiều						
NTTS64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Sân xuất giống tôm sú (Ánh) 3	Sân xuất giống tôm sú (Ánh) 4	Sân xuất giống cua biển (Ánh) 4	Sân xuất giống cua biển (Ánh) 4	Sân xuất giống cua biển (Ánh) 4	Sân xuất giống cua biển (Ánh) 4
ĐKTB65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ánh) 1 ATLĐ hàng hải (Ánh) 4	TT liên lạc hàng hải (Tiến) 4	TT liên lạc hàng hải (Tiến) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng	Khí tượng NN (Lịch) 4	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Bệnh cây CK (Hương) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4
	Chiều	Cây dược liệu (Bình) 4	Chế biến bảo quản sau thu hoạch (Huyền) 4	Cây rau (Huệ) 4
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4
	Chiều	Cây công nghiệp (Thọ) (P.B303) 4	Hoá BVTV (Hương) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng	Khuyến nông (Triệu) 4	Sinh hoạt lớp (Phượng) 1 VSV - TN (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4
	Chiều	KTTG (Nga) (P.B302) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4	KTNPTB cho gà vịt (Quyên) 4


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 20/10/2025 đến ngày 26/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1	Ngữ văn (Hằng) 2	Địa lý (Thúy) 2	Vật lý (Dịu) 4	Lịch sử (Hà) 2
		Toán (Nhưng) 3	Hoá học (Doan) 2	Ngữ văn (Hằng) 2		GDKT và PL (Thúy) 2
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1	Sinh học (Phượng) 2	Toán (Lan Anh) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4
		Hóa học (Hà) 3	Địa lý (Phương) 2			
VH63B4 P.B303	Sáng		Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Nhưng) 2
			Địa lý (Duyên) 2	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Hoá học (Vân) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Duyên) 1	Địa lý (Duyên) 2	Hoá học (Vân) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Lý) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Hoà) 1				
		HĐTN (Nga) 1	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Lý) 2	Toán (Quý) 2	Địa lý (Ngọc) 2
VH63B8 P.B301	Sáng	Ngữ văn (H.Hà) 3	Toán (Quý) 2	Hoá học (Vân) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Lịch sử (Lý) 2
		HĐTN (K.Nhung) 1	Ngữ văn (Hường) 2	Sinh học (Phượng) 2	Lịch sử (Dự) 2	Toán (Quý) 2
VH64B1	Sáng	Toán (Quý) 3	Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Địa lý (Duyên) 2	Ngữ văn (Hường) 2
		HĐTN (Hằng) 1	Hoá học (Doan) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 4	GDKT và PL (Thúy) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 3	Vật lý (Dịu) 2	Địa lý (Thúy) 2		Lịch sử (Hà) 2
		GDKT và PL (Quyên) 4	Toán (Dương) 2	Ngữ văn (Hường) 4	Địa lý (Thúy) 4	Hoá học (Vân) 2
VH64B4 P.E201	Sáng		Ngữ văn (Hường) 2			Toán (Dương) 2
		HĐTN (H.Nga) 1	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Vật lý (Trung) 2	Hoá học (Hà) 2
		Địa lý (Nga) 3	Lịch sử (Hằng) 2		Hoá học (Hà) 2	GDKT và PL (Thắm) 2

VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà)	1	CĐ Lịch sử (Hàng)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Địa lý (Phương)	2	Toán (Dương)	2
		CĐ Lịch sử (Hàng)	3	Toán (Dương)	2	Hóa học (Hà)	2	Vật lý (Hoà)	2	Hóa học (Hà)	2
VH64B6 P. B101	Sáng	HĐTN (H. Hà)	1	Toán (Quý)	2	Hóa học (Hà)	2	Địa lý (Duyên)	2	Sinh học (Phượng)	2
		Địa lý (Duyên)	3	Ngữ văn (H.Hà)	2	Ngữ văn (H.Hà)	2	Toán (Quý)	2	GDKT và PL (Quyên)	2
VH64B8 P.E204	Sáng	HĐTN (Phiên)	1	Toán (Lan Anh)	2	GDKT và PL (Tài)	2	Toán (Lan Anh)	2	GDKT và PL (Tài)	2
		Ngữ văn (Lý)	3	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Phương)	2	Lịch sử (Dự)	2	Toán (Lan Anh)	2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý)	1	Địa lý (Thuý)	4	Hóa học (Doan)	4	Vật lý (Dịu)	2	Lịch sử (Hà)	4
		Ngữ văn (Hàng)	3					Toán (Hương)	2		
VH65B2 P.E301	Sáng					CĐ Lịch sử (Dự)	2				
	Chiều	HĐTN (Quyên)	1	Ngữ văn (H.Hà)	2	Địa lý (Thuý)	2	Toán (Dương)	2	Vật lý (Dịu)	2
		GDKT và PL (Quyên)	3	Hóa học (Hà)	2	Vật lý (Dịu)	2	Ngữ văn (H.Hà)	2	Địa lý (Thuý)	2
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý)	1	Địa lý (Phương)	2	Vật lý (Dịu)	2	Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	2
		Toán (Quý)	3	Toán (Quý)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Hóa học (Vân)	2	Lịch sử (Dự)	2
VH65B4 P.B102	Chiều	HĐTN (Mạnh)	1	Toán (Quý)	2	Toán (Quý)	2	GDKT và PL (Nga)	2	Lịch sử (Nhưng)	2
		GDKT và PL (Nga)	3	Vật lý (Trung)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Hóa học (Vân)	2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Hương)	1	Ngữ văn (Hà)	2	GDKT và PL (Nga)	2	Lịch sử (Nhưng)	2	Địa lý (Duyên)	2
		Toán (Dương)	3	Địa lý (Duyên)	2	Ngữ văn (Hà)	2	Toán (Dương)	2	Vật lý (Dịu)	2
VH65B6 P.B204	Sáng					GDKT và PL (Thắm)	2				
	Chiều	HĐTN (Linh)	1	Toán (Lan Anh)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Sinh học (Phượng)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2
		Sinh học (Phượng)	3	Địa lý (Phương)	2	Toán (Lan Anh)	2	Vật lý (Trung)	2	Lịch sử (Nhưng)	2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng)	1	Vật lý (Trung)	2	Toán (Lan Anh)	2	Vật lý (Trung)	2	GDKT và PL (Nga)	2
		Ngữ văn (Lý)	3	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Phương)	2	Lịch sử (Nhưng)	2	Toán (Lan Anh)	2

VH65B8 P.B202	Chiều	HDTN (Hường)	1	Địa lý (Duyên)	2	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Duyên)	2	Toán (Lan Anh)	2
		Hóa học (Hà)	3	GDKT và PL (Quyên)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Ngữ văn (Hường)	2	Sinh học (Phượng)	2
VH65B9 P.B203	Chiều	HDTN (Hồng)	1	Sinh học (Hồng)	2	Sinh học (Hồng)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Địa lý (Phương)	2
		Toán (Lan Anh)	3	Toán (Lan Anh)	2	Hóa học (Hà)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2
VH65B10 P.B103	Chiều	HDTN (Thắm)	1	Vật lý (Hoà)	2	Toán (Dương)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Địa lý (Thuý)	2
		Vật lý (Hoà)	3	Toán (Dương)	2	Địa lý (Thuý)	2	Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	2
VH65B11 P.E101	Chiều	Lịch sử (Hằng)	3	Toán (Dương)	2	Ngữ văn (Hà)	2	Sinh học (Hồng)	2	Địa lý (Nga)	2
		CĐ Lịch sử (Hằng)	1	Ngữ văn (Hà)	2	Toán (Dương)	2	Hóa học (Vân)	2	Sinh học (Hồng)	2

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BAN NHÂN DÂN TỈNH
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
YÊN BAY

Đoàn Văn Lưu